

Số: 113 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Đá Đen, xã Yên Lạc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1349/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3901/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Đá Đen, xã Yên Lạc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa” (Trữ lượng tính đến ngày 09/6/2013);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1752/TTr-STNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Đá Đen, xã Yên Lạc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa; địa chỉ: số 180 Tổng Duy Tân, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu:

- Đối với khối lượng khai thác trước ngày Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh có hiệu lực: $G = 60.000$ đồng/tấn đối với đá bazan làm nguyên liệu xi măng (theo Quyết định số 1349/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh);

- Đối với khối lượng khai thác sau ngày Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh có hiệu lực: $G = 65.000$ đồng/m³ đối với đá (đá cát kết, đá bazan) làm VLXD thông thường (theo Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh);

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền:

$$Q = Q_1 - Q_2;$$

Trong đó:

- Trữ lượng khoáng sản (quy ra trữ lượng địa chất) của đá bazan đơn vị đã khai thác từ 01/7/2011 đến 30/6/2013 là: 165.167 tấn. Trữ lượng này hiện chưa tính tiền cấp quyền theo nội dung Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS ngày 09/7/2014 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

- Q_1 là trữ lượng địa chất của đá bazan làm VLXD thông thường được phê duyệt tại Quyết định số 3901/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 của UBND tỉnh là: 444.021 m³;

- Q_2 là trữ lượng (quy ra trữ lượng địa chất) của đá bazan đơn vị đã khai thác từ 30/6/2013 đến 31/12/2013 là 26.893 tấn;

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 0,9$ (vùng đặc biệt khó khăn);

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $R = 2\%$ (đối với các khoáng sản nguyên liệu còn lại);

- $R = 4\%$ (Đối với than bùn và các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$$T = T_1 - T_2;$$

Trong đó:

- T_1 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đá bazan làm VLXD thông thường được phê duyệt tại Quyết định số 3901/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 của UBND tỉnh (áp dụng giá tối thiểu tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh), cụ thể:

$$T_1 = (Q_1 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (444.021 \text{ m}^3 \times 65.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 4\%) = 935.108.226 \text{ đồng};$$

- T_2 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng địa chất của đá bazan đã khai thác từ 30/6/2013 đến 31/12/2013 (áp dụng giá tối thiểu tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 1349/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh), cụ thể:

$$T_2 = (Q_2 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (26.893 \text{ tấn} \times 60.000 \text{ đồng/tấn} \times 0,9 \times 0,9 \times 2\%) = 26.140.320 \text{ đồng};$$

Như vậy, $T = T_1 - T_2 = 935.108.226 \text{ đồng} - 26.140.320 \text{ đồng} = 908.967.906 \text{ đồng};$

g) Số tiền tạm thu cấp quyền khai thác Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa đã nộp:

$$T_3 = 437.430.000 \text{ đồng};$$

h) Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại đơn vị phải nộp:

$T_4 = T - T_3 = 908.967.906 \text{ đồng} - 437.430.000 \text{ đồng} = 471.537.906 \text{ đồng}$
(Bốn trăm bảy mươi một triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm lẻ sáu đồng);

i) Tổng số lần nộp: 01 lần (do tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dưới 01 tỷ đồng);

j) Thời điểm nộp tiền: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa.

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò:

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa nộp hoàn trả kinh phí thăm dò với số tiền là: 109.042.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu, không trăm bốn hai nghìn đồng).

Điều 2. Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền hoàn trả kinh phí thăm dò phải nộp Ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền hoàn trả kinh phí thăm dò vào Ngân sách nhà nước theo quy định. Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý trọng tải xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra.

3. UBND huyện Như Thanh, UBND xã Yên Lạc, huyện Như Thanh có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh; Chủ tịch UBND xã Yên Lạc, huyện Như Thanh; Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, KTTC, CNXDGT.
QDKP 16-003

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn